TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2018/DS-PT
Ngày: 05 - 6 - 2018
V/v tranh chấp tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2018/TLPT- DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc "*Tranh chấp tiền hụi*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Ấp 14, xã KH, huyện UM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị X, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp 14, xã KH, huyện UM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Võ Thị X là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 15/3/2013 âm lịch, bà Võ Thị X mở dây hụi 2.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, tổng số 25 chân. Bà H tham gia 01 chân, đã góp 10 kỳ (2.000.000 đồng x 10 = 20.000.000 đồng) thì bà X bể hụi. Bà H yêu cầu bà X trả lại bà 20.000.000 đồng.

Ngày 27/4/2013 âm lịch, bà X mở tiếp dây hụi 1.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, tổng số 19 chân. Bà H tham gia 01 chân. Đến tháng 01/2014 bà H kêu 400.000 đồng để hốt. Như vậy, bà X phải giao tiền hốt hụi gồm 09 chân (hụi chết) x 1.000.000 đồng/chân = 9.000.000 đồng; hụi sống 09 chân x 600.000 đồng/chân = 5.400.000 đồng. Tổng cộng là 14.400.000 đồng, đối trừ tiền cò 500.000 đồng, tiền mặt bà X đã giao 3.500.000 đồng, trừ tiền phải góp 09 lần hụi chết 9.000.000 đồng, như vậy bà X còn phải trả cho bà số tiền 1.400.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị X phải trả tổng số tiền còn nợ của 02 dây hụi nêu trên là 21.400.000 đồng.

Ý kiến trình bày của bị đơn: Bà Võ Thị X thừa nhận có mở dây hụi thứ nhất ngày 15/3/2013 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/chân, mỗi tháng khui 01 lần, tổng số 25 chân. Bà H tham gia 01 chân, góp hụi được 07 kỳ đến ngày 15/9/2013 âm lịch. Tháng 10/2013 hụi bị bể, bà không gom hụi, nên chân hụi này bà còn nợ bà H 07 lần là 14.000.000 đồng.

Dây thứ hai mở ngày 27/4/2013 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng/chân, mỗi tháng khui 01 lần, tổng số 19 chân. Bà H tham gia 01 chân, đến ngày 27/01/2014 khi đó hụi chết được 09 lần thì bà H kêu 810.000 đồng, hốt hụi với số tiền 10.210.000 đồng. Bà X đã giao đủ số tiền bà H hốt hụi. Còn lại 09 chân hụi chết bà X không gom tiền của bà H vì bể hụi. Lúc giao tiền không có làm biên nhận. Dây hụi này bà H còn nợ hụi chết 9.000.000 đồng.

Bà X xác định còn nợ bà H dây hụi 2.000.000 đồng số tiền là 14.000.000 đồng, đối trừ tiền hụi chết 9.000.000 đồng bà H chưa đóng, nên bà còn nợ lại bà H 5.000.000 đồng, nhưng bà đã trả nhiều lần cho bà H xong. Do đó, bà X không thừa nhận còn nợ tiền hụi đối với bà H, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà H.

Từ nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 61/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án; áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với bà Võ Thị X. Buộc bà Võ Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền hụi 11.710.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu bà Võ Thị X trả số tiền hụi 9.690.000 đồng (chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, bị đơn bà Võ Thị X kháng cáo không đồng ý trả cho bà H số tiền hụi là 11.710.000 đồng, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Võ Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo,

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị

X; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung vụ án thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với nhau về ngày khui hụi, loại dây hụi, tổng số chân và số chân hụi bà H tham gia do bà X làm chủ hụi. Hai bên chỉ tranh chấp nhau về số tiền nợ hụi. Trong đó, bà H cho rằng, sau khi đối trừ số tiền của 02 dây hụi, bà X còn nợ 21.400.000 đồng. Bà X thừa nhận sau đối trừ chỉ còn nợ 5.000.000 đồng, nhưng đã trả nhiều lần đủ cho bà H.

Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp tiền hụi là đúng. Trong đó, bà H yêu cầu bà X trả số tiền hụi còn nợ là 21.400.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời thừa nhận của bà X làm cơ sở xác định số tiền nợ là 11.710.000 đồng. Bà X xác định đã thanh toán xong số tiền nợ hụi đối với bà H nhưng không có chứng cứ chứng minh. Cấp sơ thẩm buộc bà X có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hụi còn nợ 11.710.000 đồng là có cơ sở.

[2] Xét kháng cáo và lời trình bày, tranh luận của bị đơn bà Võ Thị X tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng: Đối với dây hụi 2.000.000 đồng/chân, bà H góp hụi được 07 kỳ với số tiền là 14.000.000 đồng thì bà X tuyên bố bể hụi. Dây hụi 1.000.000 đồng/chân, bà H góp được 09 kỳ, đến kỳ thứ 10 bỏ hụi 810.000 đồng, hốt được số tiền 10.210.000 đồng, bà X đã chung đủ tiền hốt hụi cho bà H. Như vậy, ở dây hụi 1.000.000 đồng bà H còn nợ bà X 09 kỳ hụi chết bằng 9.000.000 đồng, đối trừ 14.000.000 đồng bà X nợ bà H ở dây hụi 2.000.000 đồng, nên bà X chỉ nợ bà H 5.000.000 đồng và đã trả đủ cho bà H nên không còn nợ nữa. Việc trả tiền có ông Trương Văn L biết.

Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với dây hụi 2.000.000 đồng/chân mở ngày 15/3/2013 âm lịch, bà X và bà H khai thống nhất nhau về số tiền bà H góp hụi 07 kỳ là 14.000.000 đồng thì bể hụi nên bà X còn nợ bà H là 14.000.000 đồng là thực tế.

Đối với dây hụi 1.000.000 đồng/chân mở ngày 27/4/2013, bà H và bà X thống nhất bà H góp được 09 kỳ thì hốt hụi, còn lại 09 kỳ hụi chết. Trong đó bà H cho rằng bỏ hụi 400.000 đồng, hốt được 13.900.000 đồng, bà X thừa nhận bà H bỏ hụi 810.000 đồng, hốt được 10.210.000 đồng. Cả hai bên đều không có chứng cứ, giấy tờ để chứng minh nên chấp nhận chứng cứ là lời trình bày của bà X để xác định số tiền hốt hụi là 10.210.000 đồng. Số tiền này, bà X khai đã giao đủ cho bà H nhưng bà H thừa nhận có nhận 3.500.000 đồng, bà X không có chứng cứ chứng minh nên cần chấp nhận lời thừa nhận của bà H. Như vậy, số tiền hốt hụi bà X còn nợ bà H 6.710.000 đồng (10.210.000 đồng – 3.500.000 đồng). Bà X, bà H thống nhất nhau dây hụi này bà H nợ bà X 09 chân hụi chết bằng 9.000.000 đồng, bà H đồng ý trừ vào tiền hốt hụi bà X còn nợ sau khi đối trừ bà H nợ lại bà X 2.290.000 đồng (9.000.000đ – 6.710.000đ).

Từ phân tích trên có đủ cơ sở kết luận, dây hụi 2.000.000 đồng bà X nợ bà H 14.000.000 đồng, dây hụi 1.000.000 đồng bà H nợ bà X 2.290.000 đồng, đối trừ bà

X còn nợ bà H 11.710.000 đồng (14.000.000 đồng – 2.290.000 đồng) như án sơ thẩm đã xử là đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X cho rằng do đã giao đủ tiền hốt hụi cho bà H nên khi đối trừ 14.000.000 đồng bà nợ bà H ở dây hụi 2.000.000 đồng với 9.000.000 đồng bà H nợ bà ở dây hụi 1.000.000 đồng bà còn nợ lại bà H 5.000.000 đồng và đã trả nhiều lần đủ cho bà H, việc trả nợ có ông L biết và xác nhận. Xét giấy xác nhận ngày 13/12/2017 của ông Trương Văn L (do bà X cung cấp) có nội dung ngày 20/02/2015 AL ông có đưa tiền vay cho bà X chung tiền hốt hụi cho bà H ở dây hụi mở ngày 27/4/2014 AL là 14.000.000 đồng. Nội dung này hoàn toàn không phù hợp về thời gian mở hụi cũng như số tiền hốt hụi như đã phân tích trên. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà X rằng đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ tiền hụi đối với bà H. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử đối với các bên đương sự.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà X phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị X.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Buộc bà Võ Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền hụi 11.710.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị X phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, tại biên lai số 0011735 ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Nhân